

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 07/2022/NQ-HĐND

Thái Bình, ngày 13 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 50/2016/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Thái Bình và mục 2 khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 14 tháng 5 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu lệ phí đối với các tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 trên địa bàn tỉnh Thái Bình

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH
KHÓA XVII KỲ HỌP THỨ TƯ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 118/TTr-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 50/2016/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Thái Bình và mục 2 khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 14 tháng 5 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu lệ phí đối với các tổ chức,

(Chữ ký)

cá nhân thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 trên địa bàn tỉnh Thái Bình; Báo cáo thẩm tra số 15/BC-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2022 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 50/2016/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí, lệ phí theo Luật Phí và lệ phí năm 2015 thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh trên địa bàn tỉnh Thái Bình, cụ thể như sau:

1. Sửa đổi mục IV.2 Phụ lục 1 như sau:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Tỷ lệ điều tiết (%)		Tổ chức thu phí
				Đề lại cho tổ chức thu phí	Nộp ngân sách nhà nước	
IV	PHÍ THUỘC LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG					
2	Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	đồng/hồ sơ		100%		Văn phòng Đăng ký đất đai
2.1	Đối với trường hợp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp của hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư					
-	Tại phường, thị trấn		500.000			
-	Tại xã		350.000			
2.2	Đối với trường hợp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các tổ chức và cơ sở tôn giáo					
-	Tổ chức hành chính sự nghiệp và cơ sở tôn giáo		1.600.000			
-	Tổ chức kinh tế		2.800.000			

2. Sửa đổi, bổ sung mục I.4 Phụ lục 2 như sau:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Tỷ lệ điều tiết (%)	Tổ chức thu phí
I	LỆ PHÍ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC LIÊN QUAN ĐẾN QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG DÂN				
4	Lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam	đồng/01 giấy phép		Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%	Cơ quan cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài
-	Cấp mới giấy phép lao động		600.000		
-	Cấp lại giấy phép lao động		450.000		
-	Gia hạn giấy phép lao động		450.000		

3. Sửa đổi mục II Phụ lục 2 như sau:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Tỷ lệ điều tiết (%)	Tổ chức thu phí
II	LỆ PHÍ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC LIÊN QUAN ĐẾN QUYỀN SỞ HỮU, SỬ DỤNG TÀI SẢN				
1	Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, tài sản gắn liền với đất			Ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%	Văn phòng Đăng ký đất đai
1.1	Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu	đồng/01 giấy chứng nhận			
1.1.1	Trường hợp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nhà và tài sản khác gắn liền với đất				
-	Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư tại các phường thuộc thành phố		100.000		
-	Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư tại các khu vực khác		50.000		
-	Tổ chức, cơ sở tôn giáo		500.000		
1.1.2	Trường hợp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất				

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Tỷ lệ điều tiết (%)	Tổ chức thu phí
-	Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư tại các phường thuộc thành phố		30.000		
-	Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư tại các khu vực khác		20.000		
-	Tổ chức, cơ sở tôn giáo		150.000		
1.2	Chứng nhận đăng ký biến động đất đai	đồng/01 lần			
-	Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư tại các phường thuộc thành phố		30.000		
-	Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư tại các khu vực khác		15.000		
-	Tổ chức, cơ sở tôn giáo		50.000		
1.3	Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính	đồng/01 lần			
-	Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư tại các phường thuộc thành phố		20.000		
-	Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư tại các khu vực khác		10.000		
-	Tổ chức, cơ sở tôn giáo		50.000		
1.4	Cấp mới, cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	đồng/01 lần			
1.4.1	Trường hợp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nhà và tài sản khác gắn liền với đất				
-	Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư tại các phường thuộc thành phố		50.000		
-	Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư tại các khu vực khác		25.000		
-	Tổ chức, cơ sở tôn giáo		100.000		
1.4.2	Trường hợp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có nhà và tài sản khác gắn liền với đất				
-	Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư tại các phường thuộc thành phố		25.000		
-	Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư tại các khu vực khác		15.000		
-	Tổ chức, cơ sở tôn giáo		50.000		

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Tỷ lệ điều tiết (%)	Tổ chức thu phí
2	Lệ phí cấp giấy phép xây dựng	đồng/01 giấy phép		Nộp ngân sách nhà nước 100%	Cơ quan thực hiện cấp giấy phép xây dựng
-	Cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ		80.000		
-	Cấp giấy phép xây dựng các công trình khác		160.000		
-	Trường hợp gia hạn giấy phép xây dựng		20.000		

Điều 2. Sửa đổi mục 2 khoản 1 Điều 1 Nghị quyết số 09/2021/NQ-HĐND ngày 14 tháng 5 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu lệ phí đối với các tổ chức, cá nhân thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 trên địa bàn tỉnh Thái Bình như sau:

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Tỷ lệ điều tiết (%)	Tổ chức thu phí
2	Lệ phí cấp giấy phép xây dựng	đồng/01 giấy phép		Nộp ngân sách nhà nước 100%	Cơ quan thực hiện cấp giấy phép xây dựng
-	Cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ		40.000		
-	Cấp giấy phép xây dựng các công trình khác		80.000		
-	Trường hợp gia hạn giấy phép xây dựng		10.000		

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật. *HRU*

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình Khoá XVII Kỳ họp thứ Tư thông qua ngày 13 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 24 tháng 7 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Lao động Thương binh và Xã hội, Xây dựng;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực XI;
- Các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Kho bạc Nhà nước Thái Bình;
- Thường trực Huyện ủy, Thành ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, thành phố;
- Ủy ban nhân dân huyện, thành phố;
- Báo Thái Bình, Công báo tỉnh, Cổng thông tin điện tử Thái Bình; Trang thông tin điện tử Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Lưu VTVP.



 Nguyễn Tiến Thành

